

Bản án số: **04/2021/HS-ST**
Ngày: **05.01.2021**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Chử Phương Ngọc**.
Thẩm phán: Ông **Vũ Quang Huy**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Phúc**.
2. Bà **Nguyễn Thị Nha**.
3. Bà **Bạch Thị Kim Loan**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Nội tham gian phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Huyền** - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 05.01.2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 402/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2020/QĐXXST-HS ngày 19.11.2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1994, tại H.

ĐKNKTT: Số 15 ngõ 50, đường K, phường K, quận T, TP. Hà Nội;住所: Không xác định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; Con ông Nguyễn Đức Hưng và bà Đặng Thị Diên; Có chồng là Nguyễn Mạnh Tuấn (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 06.01.2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công A Thành phố Hà Nội.

Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Văn T** - Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Công tác tại Công ty luật TNHH quốc tế Nam Thái.

Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà **Vũ Thị Xuân T**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: P3304 tầng 33 D04 tòa nH FLC số 418 Q, phường L, H, H Nội.

2. Ông **Vũ Minh C**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 7 ngõ 157/23 phố P, quận Đ, H Nội.

3. Ông **Nguyễn Tường V**, sinh năm 1943

Địa chỉ: Phòng B1008, chung cư Golden Palace, số 21 L, phường N, quận T, H Nội.

4. Ông **Trần Xuân N**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 6 ngách 157/23 P, phường L, quận Đống Đa, H Nội.

5. Chị **Phạm Thị Hoài Y**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 24 phường M, quận C, H Nội.

6. Bà **Nguyễn Thị Minh C**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số 4 ngách 49 ngõ 64 N, phường Ô, quận Đ, H Nội.

7. Chị **Nguyễn Thu H**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 20 ngõ 59 H, quận Đ, H Nội.

Có mặt: Bà T, ông V, chị Y, bà C.

Vắng mặt: Ông C, ông N, chị H.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Công ty TNHH dịch vụ và du lịch HTV.

Địa chỉ: Số ngõ 50, đường K, phường K, quận T, TP. HÀ NỘI.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Mạnh T** – Chức vụ: Giám đốc.

Vắng mặt.

- Người làm chứng có mặt: Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ 1, phường P, quận H, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06.8.2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công An quận B, Thành phố Hà Nội nhận được đơn tố giác của vợ chồng anh Nguyễn Anh T và chị Phạm Thị Hoài Y cùng nhiều cá nhân khác tố cáo Nguyễn Thị H, sinh năm 1994, HKTT: 15 ngõ 50 đường K, phường K, quận T, Thành phố Hà Nội có Hành vi nhận tiền của những người này để tổ chức các chuyến du lịch nước ngoài. Sau đó H không thực hiện cam kết và chiếm đoạt số tiền đã nhận. Những người tố giác trên giano nộp cho cơ quan điều tra các phiếu thu, giấy nhận tiền, Giấy xác

nhận nợ, thể hiện việc H nhận 1.088.589.000 đồng hứa hẹn tổ chức các chuyến du lịch cho các bị hại.

Quá trình Điều tra xác định được: Do vay nợ nhiều người không có tiền trả, Nguyễn Thị H đã đưa thông tin gian dối về việc bản thân có khả năng mua tour du lịch nước ngoài giá rẻ để nhận tiền của các cá nhân có nhu cầu. Những người có nhu cầu du lịch nước ngoài tin tưởng H nói là thật nên đã đặt tiền để H tổ chức các tour tại Nga, Châu Âu, Trung Quốc, sau khi nhận tiền H không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt số tiền này để trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Với thủ đoạn trên nên trong khoảng thời gian từ tháng 4.2019 đến tháng 05.2019, H đã nhận và chiếm đoạt số tiền đã nhận của 07 bị hại là 1.088.589.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Vũ Thị Xuân T, ông Nguyễn Tường V, ông Vũ Minh C, ông Trần Xuân N:

Tháng 01.2019, H ký hợp đồng mua chuyến du lịch Trung Quốc của Công ty TNHH Cát Tour Việt Nam với giá 5.000.000 đồng và tặng cho cô chồng của H là bà Nguyễn Thị H. H nói cho bà H biết giá tour du lịch Trung Quốc của bà H chỉ hết 3.000.000 đồng và H có khả năng mua các tour du lịch giá rẻ. Thấy giá H mua được tour du lịch với giá rẻ hơn so với giá của những người tham gian cùng chuyến du lịch, bà H tin tưởng và giới thiệu H với Hành khách cùng tham gian chuyến du lịch là bà Vũ Thị Xuân T để liên hệ với H mua tour du lịch giá rẻ.

Tháng 04.2019, bà T có nhu cầu mua tour du lịch nước ngoài nên đã liên lạc với H. H hứa hẹn sẽ sắp xếp cho mọi người đi tour du lịch Nga - Bắc Âu với giá ưu đãi 74.000.000 đồng/ người, riêng bà T được H hứa ưu đãi 50% giá. H đề nghị bà T giới thiệu đến nhiều người để sớm đủ số lượng thành lập đoàn đi du lịch. Tin tưởng H, bà T đăng ký tham gian và giới thiệu thêm cho em trai của mình là ông Vũ Minh C và người quen của mình là ông Nguyễn Tường V. Sau đó ông C lại giới thiệu thêm cho vợ chồng ông Trần Xuân N để cùng tham gian. H báo giá và thu tiền với từng người, cụ thể:

- Ngày 6.5.2019, H có gặp gian đình bà T, ông V tại quán café tại quận T và báo giá tour với bà T là 72.000.000 đồng/ người, tuy nhiên do bà T giới thiệu được nhiều người tham gian nên bà T sẽ được giảm 50% còn 35.000.000đ. Ngày 08.5.2019, H thu tiền cọc và viết giấy nhận tiền với nội dung: Nhận tiền của bà T để đặt cọc cho tour du lịch Bắc Âu - Nga, dự kiến khởi Hành vào ngày 3.7.2019. Đến ngày 14.6.2019, H tiếp tục thu của bà T số tiền 35.000.000 đồng cho tour du lịch Bắc Âu - Nga nhưng không viết giấy

nhận tiền. Khi bà T thắc mắc vì trước đó H thông báo bà T chỉ phải trả 50% giá tour thì H nói bà T cứ nộp, sau khi đi du lịch về H sẽ trả lại số tiền này.

Đối với ông Nguyễn Tường V, khi được H báo giá tour là 74.000.000 đồng/người, ông V đăng ký 02 xuất và chuyển tiền cho H nhiều lần với tổng số tiền 148.000.000 đồng. Ngày 21.6.2019, H viết một phiếu thu tiền tổng hợp với nội dung đã nhận của ông V số tiền 148.000.000 đồng để đặt cọc tour du lịch châu Âu (16 ngày, 15 đêm) kể từ ngày 3.7.2019 đến ngày 18.7.2019.

Đối với ông C và vợ chồng ông N có tổng cộng 3 suất có giá từ 71.500.000 đồng đến 82.000.000 đồng mỗi người. H yêu cầu đặt cọc trước 40.000.000 đồng mỗi người. Ông N đã chuyển vào tài khoản của ông C để nhờ ông C đặt cọc cho H số tiền 80.000.000 đồng. Ngày 09.5.2019, H thu tiền của ông C đặt trước cho H số tiền 120.000.000 đồng cho 3 người và viết giấy nhận tiền với nội dung: Nhận đặt cọc cho tour du lịch Nga - Bắc Âu, số tiền còn lại sẽ nộp sau khi ký hợp đồng với Công ty AVA travel - Viptour.

Ngoài ra, tháng 4.2019, bà T và chị Phạm Thị Hoài A (con gái bà T) đặt vấn đề muốn mua tour du lịch Lào - Myanmar - Thái Lan, thời gian 8 ngày 7 đêm. Để tạo lòng tin cho các bị hại tiếp tục nộp tiền tua Nga – Bắc Âu, H hứa hẹn với chị A là có thể đặt tour trên với giá rẻ. Chị A nhờ H đặt mua tour cho 3 người gồm chị A, bà T, bạn chị A. H liên hệ và ký hợp đồng mua tour du lịch cho 4 người (gồm chị A, bà T, bạn chị A và H mời thêm cô của mình là Nguyễn Thị H) tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ vận tải H với giá 25.200.000đ/người, tổng giá trị hợp đồng là 100.800.000đ, thời gian 8 ngày 7 đêm, lịch trình từ ngày 26.5.2019 đến ngày 02.6.2019 theo hợp đồng số 170519/HĐDV/HHTV ngày 17.5.2019. H thanh toán toàn bộ số tiền với Công ty H. H đề nghị Công ty H viết thêm một bản hợp đồng khác nhưng sửa lại giá tiền trên hợp đồng là 8.330.000 đồng/người, đổi thời gian tour là 7 ngày 6 đêm, lịch trình từ ngày 20.5.2019 đến 26.5.2019, theo yêu cầu của chị A và đưa cho chị A hợp đồng và thu tiền 8.330.000 đồng/người. H sử dụng chính số tiền các bị hại đã đóng đăng ký đi du lịch Bắc Âu để bù vào số tiền chênh lệch. Công ty H đã tổ chức cho nhóm của chị A đi du lịch như hợp đồng đã ký.

Tổng số tiền H đã nhận của 06 người đăng ký đi du lịch Nga - Bắc Âu là 342.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H yêu cầu những người tham gia tour nộp bản photo hộ chiếu, chứng minh tài chính để H làm thủ tục cấp visa nhưng thực tế chiếm đoạt tiền và không liên hệ làm thủ tục xin cấp visa, không mua tour du lịch của công ty nào nhưng vẫn cam kết những người tham gia tour sẽ được khởi hành vào ngày 3.7.2019. Đến gần ngày khởi hành, H lấy lý do trì hoãn và thông báo cho đoàn là tour dời lịch khởi hành đến ngày 11.7.2019. Sau đó, H thông báo dừng tour và sẽ trả lại cho mọi người toàn bộ hồ sơ và toàn bộ

số tiền đã thu, đến ngày 17.7.2019, Sau khi không tổ chức được tour du lịch như đã thỏa thuận, các bị hại đã gặp và yêu cầu H trả lại số tiền đã thu, H đã viết một Bản cam kết với nội dung: Nguyễn Thị H đã nhận tổng số tiền cọc là 342.000.000đồng, trong đó nhận của ông Vũ Minh C 120.000.000 đồng, nhận của ông Nguyễn Tường V và bà Vũ Thị Xuân T số tiền 222.000.000 đồng. H cam kết chậm nhất là ngày 21.7.2019, H sẽ trả toàn bộ số tiền đã nhận và tiền bồi thường. Tuy nhiên, đến hạn cam kết các bị hại đến gặp H thì H vẫn khất lần không trả. Đến nay H không còn khả năng để khắc phục.

Tại bản kết luận giám định số 6923/ KLGD- PC09 (Đ4) ngày 06.11.2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận: Chữ viết phần nội dung trên các phiếu thu tiền của chị Phạm Thị Hoài Y, phiếu thu của ông Nguyễn Tường V đề ngày 21.6.2019; Chữ viết phần nội dung và viết dòng họ tên Nguyễn Thị H dưới chữ ký trên 02 phiếu thu tiền của ông Nguyễn Tường V đề ngày 21.6.2019; 02 Giấy nhận tiền của bà Vũ Thị Xuân T đề ngày 7.5.2019; 8.5.2019; Giấy nhận tiền của ông Vũ Minh C đề ngày 9.5.2019, Bản cam kết đề ngày 17.7.2019 là chữ do Nguyễn Thị H viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận: Chữ ký tên Nguyễn Thị H trên các mẫu cần giám định (ký hiệu từ A3 đến A8) với chữ ký đúng tên Nguyễn Thị H trên mẫu so sánh (ký hiệu M) có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.

Tại Bản kết luận giám định số 2036/ KLGD - PC09- Đ4 ngày 17.3.2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH HTV” trên các mẫu cần giám định (ký hiệu A1 đến A5) là do con dấu mẫu so sánh có nội dung “CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH HTV” đóng ra.

Xác minh tại Công ty AVA Travel - Vip Tour kết quả Công ty Travel - Vip Tour chưa làm việc ký kết hợp đồng gì với người có họ tên là Nguyễn Thị H, trong tháng 7.2019 Công ty Travel - Vip Tour không tổ chức nhận chuyến du lịch các nước Bắc Âu và Nga, không ký hợp đồng tour du lịch các nước Bắc Âu và Nga cho những người có tên là Vũ Minh C, Trần Xuân N, Nguyễn Thị B.

2- Hành vi chiếm đoạt tiền của chị Phạm Thị Hoài Y:

Tháng 5.2019, chị Phạm Thị Hoài Y (con gái bà T) có nhu cầu đi du lịch Châu Âu nên bà T giới thiệu chị Y gặp H để đặt tour. H cam kết với chị Y là có thể tổ chức tour du lịch Châu Âu bao gồm các nước Pháp, Áo, Đức, Czech trong 10 ngày 9 đêm, khởi hành vào ngày 25.7.2019 với giá 46.899.000 đồng/người lớn và 35.174.000 đồng/trẻ em. H yêu cầu đặt cọc trước 10.000.000 đồng/người để đăng ký tham gian tour du lịch và giano hồ sơ gồm hộ chiếu, chứng minh tài chính... của những người tham gian để H làm thủ tục cấp visa. Ngày 30.5.2019, chị Y thỏa thuận đặt tour du lịch cho 8 người lớn và 2 trẻ em. H gặp chị Y nhận

10.000.000 đồng và nhận chuyển nhượng khoản 50.000.000 đồng. Ngày 31.5.2019, chị Y chuyển nhượng khoản 40.000.000 đồng. Ngày 5.6.2019, đoàn của chị Y đăng ký thêm một người, đồng thời chị Y nộp đủ 70% tổng số tiền phải đóng là 178.500.000 đồng, ngày 21.6.2019 H nhận 213.939.000 đồng. Tổng số tiền chị Y đã đưa trực tiếp và chuyển nhượng khoản cho cho H là 492.439.000 đồng. H nhận tiền và viết Phiếu thu cho chị Y. Sau khi nhận tiền, H không liên hệ làm thủ tục xin cấp visa, không mua tour du lịch của công ty nào nhưng ngày 01.7.2019, H vẫn thông báo đã làm xong thủ tục đăng ký Visa nhưng không cung cấp được cho chị Y hợp đồng. Ngày 20.7.2019, H không tổ chức họp đoàn và không cung cấp được hợp đồng, thông tin về tour du lịch. Ngày 23.7.2019, H trả lại hộ chiếu của đoàn du lịch cho chị Y và chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên chi tiêu vào mục đích cá nhân, đến nay không có khả năng khắc phục.

Tại Bản kết luận giám định số 6923 ngày 06.11.2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận: Chữ viết phần nội dung trên 02 phiếu thu đề ngày 21.6.2019 người nộp tiền đứng tên Phạm Hoài Y là chữ viết của Nguyễn Thị H;

Bản kết luận giám định số 2036 ngày 17.3.2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận: Hình dấu tròn có nội dung “Công ty TNHH Dịch vụ và du lịch HTV” trên 02 phiếu thu tiền của chị Phạm Thị Hoài Y đề ngày 21.6.2019 là do con dấu của Công ty TNHH dịch vụ và du lịch HTV đóng ra.

3- Hành vi chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Minh C:

Thông quan bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Minh C quen biết H. bà C liên hệ với H để đặt tour du lịch cho bà C và con trai đi Nga - Bắc Âu, thời gian 16 ngày 15 đêm. H nói có thể ghép tour cho bà C cùng với tour du lịch Nga - Bắc Âu của công ty khác (H đưa kèm cho bà C một lịch trình tour mẫu, không có cụ thể công ty tổ chức), khởi hành từ ngày 3.7.2019 với giá 86.600.000 đồng/người, tổng số tiền bà C phải nộp là 173.200.000 đồng. Ngày 20.5.2019, bà C nộp cho H số tiền 120.000.000 đồng và được H viết một phiếu thu trên có hình dấu của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ vận tải H. Đến ngày 23.5.2019, bà C nộp tiếp số tiền 53.200.000 đồng và được H viết phiếu thu. Tổng số tiền bà C nộp cho H là 173.200.000 đồng. H không mua tour du lịch cho bà C nhưng vẫn cam kết sẽ đưa cho bà C hợp đồng du lịch và tour du lịch sẽ được khởi hành vào ngày 3.7.2019. Đến ngày 14.7.2019, bà C không nhận được hợp đồng cũng như không được tham gia tour du lịch như H cam kết. H lấy lý do Công ty du lịch hủy tour không báo trước. Bà C yêu cầu H trả lại số tiền 173.200.000 đồng, H viết một giấy xác nhận sẽ hoàn trả bà C số tiền đã thu sau khi nhận được tiền hoàn trả của công ty du lịch, thời gian hoàn trả từ ngày

18.7.2019 đến ngày 25.7.2019. Đến ngày 28.7.2019, H không trả tiền và tiếp tục viết một giấy xác nhận nợ với nội dung H nợ bà C số tiền 173.200.000 đồng, cam kết hoàn trả trong thời gian 01 tháng. Đến hạn bà C nhiều lần đòi nhưng H vẫn không trả được tiền cho bà C.

Tại Bản kết luận giám định số 4235/KLGD - PC09- Đ4 ngày 03.06.2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận: Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị H dưới chữ ký trên hai “phiếu thu” đề ngày 20.5.2019 và 23.5.2019 họ tên người nộp tiền Nguyễn Thị Minh C, trên Giấy xác nhận nợ đề ngày 18.7.2019 và 28.7.2019 là do Nguyễn Thị H ký và viết ra.

4- Hành vi chiếm đoạt tiền chị Nguyễn Thu H:

Thông quan bà Nguyễn Thị H, chị H được biết H có khả năng mua và đặt các tour du lịch nước ngoài với giá rẻ. Tháng 6.2019, chị H liên hệ với H đặt tour du lịch H Nội - Bắc Kinh - Thượng Hải, thời gian 5 ngày 4 đêm, khởi hành vào tháng 7.2019. H nói có thể ghép tour cho nhà chị H với giá 16.990.000 đồng/người, tổng giá trị tour là 84.950.000 đồng, đồng thời cam kết sẽ hoàn lại 25% giá trị tour sau khi chị H tham gia tour du lịch về. Tin tưởng H, ngày 13.6.2019, chị H giao cho H số tiền 84.950.000 đồng tại nhà riêng và được H viết 01 phiếu thu có dấu của Công ty HTV.

Ngày 10.7.2019, H nói với chị H tour du lịch bị hủy do sai sót của công ty tổ chức tour du lịch nhưng không nói cụ thể công ty nào và sẽ ghép tour cho chị H vào tour du lịch của công ty khác. Chị H không đồng ý và đề nghị H hoàn trả lại số tiền 84.950.000đ đã nộp cho H nhưng H khất lần không trả. Khi chị H thúc giục H trả tiền, H có gặp chị H và viết 01 giấy có nội dung vay tiền chị H đề ngày 27.7.2019, cam kết hoàn trả số tiền 84.950.000 đồng trong thời gian 01 tháng. Sau khi viết giấy vay, H không thực hiện như cam kết và đến nay không có khả năng khắc phục.

Tại Bản kết luận giám định số 7119 ngày 06.8.2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung “Công ty TNHH dịch vụ và du lịch HTV” trên các phiếu thu tạm giữ của Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thu H và ông Nguyễn Tường V là do con dấu của Công ty TNHH dịch vụ và du lịch HTV đóng ra.

- Chữ ký, chữ viết trên Phiếu thu tiền, Giấy vay tiền của chị Nguyễn Thu H với chữ ký, chữ viết trong biên bản ghi lời khai, bản tường trình của Nguyễn Thị H tại Cơ quan CSĐT là do cùng một người ký và viết ra.

Đối với Anh Nguyễn Mạnh T – Giám đốc Công ty TNHH dịch vụ và du lịch HTV: Tại Cơ quan điều tra Anh Nguyễn Mạnh T là chồng Nguyễn Thị H xác định khoảng tháng 3.2018 H nói muốn thành lập công ty du lịch nên đưa thủ tục cho T để thành lập Công ty TNHH dịch vụ và du lịch HTV do anh làm giám

đốc đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên H là người trực tiếp cầm con dấu công ty và sử dụng vào việc gì anh không biết, anh không tham gian vào bất cứ hoạt động nào của công ty. Sau khi chị Y đến nhà riêng thông báo việc H đặt tour du lịch thì anh yêu cầu H chuyển tiền lại con dấu cho anh. Quan xác minh tại Chi cục thuế quận T thì Công ty TNHH dịch vụ và du lịch HTV không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Do anh T không liên quan đến hành vi phạm tội của H nên cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T.

Đối với bà Nguyễn Thị H giới thiệu giới thiệu cho 04 người là bà Vũ Thị Xuân T, chị Phạm Thị Hoài A là hai người đã gặp bà H trong chuyến đi Trung Quốc, bà Nguyễn Thị Minh C, chị Nguyễn Thu H là hàng xóm của bà H để mua tour du lịch giá rẻ của H, nhưng không biết việc H đưa ra thông tin gian dối về các tour du lịch giá rẻ, H không tham gian và không được hưởng lợi gì từ việc này. Do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về dân sự:

Các bị hại là bà T, ông V, ông C, ông N, chị Y, bà C, chị H yêu cầu H trả lại số tiền đã chiếm đoạt và đề nghị xử lý H theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 367/CT-VKS-P1 ngày 01.10.2020 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố Nguyễn Thị H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điểm a Khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Bị cáo khai: Do bị cáo làm ăn thua lỗ nên phải vay tín dụng đen, đến khi không trả được thì bị đe dọa nên bị cáo đã nảy sinh ý định tự nhận mình có khả năng mua các tour du lịch giá rẻ, thu tiền của mọi người đăng ký đi du lịch để trả nợ. Sau khi sự việc vỡ lở thì mọi người có cho bị cáo thời hạn để trả nợ nhưng bị cáo không có khả năng trả nợ nên mọi người đã tố cáo ra công an. Bị cáo có thu tiền của bảy người như cáo trạng thể hiện, để củng cố lòng tin của mọi người bị cáo có đặt tour du lịch trị giá hơn 25 triệu đi Lào - Myanmar - Thái Lan cho bà T, cô A, cô C, cô H nhưng bị cáo chỉ nói hơn 8 triệu, phần còn thiếu bị cáo lấy từ tiền thu của mọi người bù vào. Nay bị cáo đã biết sai và rất hối hận, đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng khoan hồng, xin các bị hại tha thứ cho bị cáo để cho bị cáo cơ hội sớm trở về gian đình lao động để trả nợ.

+ Bị hại có ý kiến:

Bà T yêu cầu bị cáo trả lại 70.000.000đ, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ông V yêu cầu bị cáo trả lại 148.000.000đ, đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Chị Y xác định sau khi sự việc xảy ra thì bị cáo vẫn sử dụng các thủ đoạn gian dối để lừa gạt mọi người, bản thân chị cũng đã gặp bị cáo để khuyên nhủ

nhưng bị cáo không nghe thể hiện bị cáo là người rất khó cải tạo. Nay chị yêu cầu bị cáo trả lại 492.439.000đ và đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bà C đề nghị HĐXX xem xét bị cáo tuổi còn trẻ, có con còn nhỏ nên giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về số tiền 173.200.000đ mà bị cáo nhận của bà, bị cáo đã trả được 5.000.000đ, còn lại 168.200.000đ thì không yêu cầu bị cáo phải trả nữa.

+ Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến:

Về phần tội danh thì nhất trí.

Về tính chất mức độ Hành vi phạm tội đề nghị HĐXX xét xử xem xét đến hoàn cảnh phạm tội bị cáo còn trẻ, đang nuôi con nhỏ, do làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần đã phạm tội, hiện tại bị cáo đã ly hôn, hoàn cảnh gia đình bố mẹ đẻ bị cáo cũng rất khó khăn nên mặc dù muốn cũng không thể giúp bị cáo khắc phục hậu quả, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s-t Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điều 54 – BLHS xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát Thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 174, Điểm b - s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 - BLHS xử phạt Nguyễn Thị H từ 13 đến 14 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về dân sự: Ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bà C 5.000.000đ, ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nốt số tiền 168.200.000đ. Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 915.389.000đ cho các bị hại gồm: Bà T 70.000.000đ, ông V 148.000.000đ, ông C 40.000.000đ, ông N 80.000.000đ, chị Y 492.439.000đ, chị H 84.950.000đ.

Về vật chứng: Trả lại con dấu cho Công ty TNHH dịch vụ và du lịch HTV.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận B, Điều tra viên Công an quận B, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội, Điều tra viên Công an Thành phố Hà Nội đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo và người liên quan không có khiếu nại gì. Do

vậy các Hành vi, quyết định tố tụng của người tiến Hành tố tụng đều là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, Nguyễn Thị H đã dùng thủ đoạn gian dối tự nhận bản thân có khả năng tổ chức các chuyến đi du lịch nước ngoài với giá rẻ để nhận tiền của khách hàng, nhưng thực tế H không có khả năng tổ chức các chuyến đi du lịch nước ngoài. Sau khi nhận được tiền của khách H không đặt chuyến du lịch cho các bị hại như cam kết mà chiếm đoạt tiền rồi không có khả năng trả nợ. Cụ thể: Từ tháng 05.2019 đến tháng 6.2019, Nguyễn Thị H đã nhận và chiếm đoạt của bà Vũ Thị Xuân T 70.000.000đ; nhận và chiếm đoạt của ông Nguyễn Tường V 148.000.000đ; nhận và chiếm đoạt của ông Vũ Minh C 40.000.000đ; nhận và chiếm đoạt của chị Phạm Thị Hoài Y 492.439.000đ; nhận và chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Minh C 173.200.000đ; nhận và chiếm đoạt của chị Nguyễn Thu H 84.950.000đ; nhận và chiếm đoạt của ông Trần Xuân N 80.000.000đ (nộp tiền cho H thông quan ông Vũ Minh C). Tổng số tiền H chiếm đoạt của 07 người bị hại là 1.088.589.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điểm a Khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Điều khoản này quy định hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Ngoài ra người phạm tội còn có thể bị phạt tiền mức từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ theo Khoản 5 Điều 174 - BLHS.

[3] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội dAnh và điều luật như Cáo trạng là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, bị cáo nhận thức được Hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để thỏa mãn chi tiêu cá nhân nên bị cáo cố tình phạm tội, bị cáo với tuổi đời còn trẻ không chịu tìm con đường lao động chân chính, đi lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người nên cần phải xử phạt nghiêm minh.

Khi quyết định hình phạt HĐXX: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, lần đầu bị đưa ra xét xử, tại phiên tòa bà C xác định bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gian đình bị cáo có công với cách mạng, khi phạm tội bị cáo đang nuôi con nhỏ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 07 bị hại thì bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ hai lần trở lên quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 – BLHS.

Đối với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng Điểm t Khoản 1 Điều 51 – BLHS, xét thấy Hành vi của bị cáo do những người bị hại tố cáo và nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ xác định bị cáo sau khi nhận tiền đã không tổ chức đi du lịch theo thỏa thuận mà chiếm đoạt tiền của bị hại, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn nên HĐXX áp dụng cho bị cáo tình tiết này là phù hợp, chứ không thuộc trường hợp tích cực hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điểm t Khoản 1 Điều 51 – BLHS, do vậy không chấp nhận đề nghị của Luật sư.

Tội bị cáo phạm phải là rất nghiêm trọng, hiện tại bị cáo mới bồi thường được 5.000.000đ cho bà C, do vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với thời hạn nhất định mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng và thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự:

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà C xác định bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ. Bà C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp 168.200.000đ.

- Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 915.389.000 đồng, trong đó cụ thể: Bồi thường cho bà Vũ Thị Xuân T 70.000.000đ; cho ông Nguyễn Tường V 148.000.000đ; cho ông Vũ Minh C 40.000.000đ; cho chị Phạm Thị Hoài Y 492.439.000đ, cho chị Nguyễn Thu H 84.950.000đ, ông Trần Xuân N 80.000.000đ.

[7] Về vật chứng:

Đối với con dấu của Công ty TNHH dịch vụ và du lịch HTV, mặc dù H dùng để đóng dấu phiếu thu khi thực hiện việc lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại nhưng ông Tuấn là giám đốc công ty không biết và không liên quan nên trả lại con dấu cho công ty.

[8] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 174, Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Nguyễn Thị H 12** (mười hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày 06.01.2020.

2.Căn cứ Điều 127, Điều 131 của Bộ luật Dân sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Về dân sự:

+ Xác nhận Nguyễn Thị H đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị Minh C 5.000.000đ (năm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Minh C không yêu cầu Nguyễn Thị H phải bồi thường tiếp số tiền 168.200.000đ (một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng).

+ Buộc Nguyễn Thị H phải bồi thường tổng số tiền là 915.389.000đ cho những bị hại, cụ thể:

* Bồi thường cho bà Vũ Thị Xuân T 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

* Bồi thường cho ông Nguyễn Tường V 148.000.000đ (một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

* Bồi thường cho ông Vũ Minh C 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

* Bồi thường cho chị Phạm Thị Hoài Y 492.439.000đ (bốn trăm chín mươi hai triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn đồng).

* Bồi thường cho chị Nguyễn Thu H 84.950.000đ (tám mươi tư triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

* Bồi thường cho ông Trần Xuân N 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

- Về vật chứng:

Trả lại Công ty TNHH dịch vụ và du lịch HTV 01 con dấu hình tròn, nội dung “ Công ty TNHH Dịch vụ và du lịch HTV”.

(Tình trạng vật chứng như biên bản bàn giao giữa Công an Thành phố Hà Nội và Cục Thi Hành án dân sự Thành phố Hà Nội ngày 07.10.2020).

- **Về án phí:** Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm 39.461.000đ (ba mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn đồng).

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bà T, chị Y, bà C, ông V đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C, ông N, chị H, Công ty TNHH dịch vụ và du lịch HTV đều có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Công A Thành phố Hà Nội;
- Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chữ Phương Ngọc

